

# LÝ LỊCH KHOA HỌC

## I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: Nguyễn Thanh Phương	Giới tính: Nam
Ngày, tháng, năm sinh: 03/04/1965	Nơi sinh: Vĩnh Long
Quê quán: Vĩnh Long	Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:	9/118, Khu Dân cư số 9, Đường 30/4, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, tp. Cần Thơ
Điện thoại liên hệ: 0710 3872099	E-mail: ntphuong@ctu.edu.vn
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng trường	Đơn vị công tác: Trường Đại học Cần Thơ
Ngạch viên chức: Giáo sư	Thâm niên giảng dạy: 32 năm (đến năm 2018)
Trình độ chuyên môn cao nhất:	Tiến sĩ

## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Đại học

Hệ đào tạo: Chính qui, tập trung	Nơi đào tạo: Đại học Cần Thơ
Ngành học chuyên môn: Nuôi trồng Thủy sản	Năm tốt nghiệp: 1986
Bằng đại học 2:	Năm tốt nghiệp:

### 2. Thạc sĩ

Thời gian đào tạo: 1991-1992

Nơi đào tạo:	Viện Công nghệ Châu Á (AIT)
Chuyên ngành đào tạo:	Nuôi trồng Thủy sản
Tên luận văn:	Ảnh hưởng của thuốc trừ sâu Methyl parathion lên cá rô phi ( <i>Oreochromus niloticus</i> ) nuôi trong ruộng lúa.
Tháng, năm được cấp bằng:	20/8/1992

### 3. Tiến sĩ

Thời gian đào tạo:	1995-1998
Nơi đào tạo:	Viện Bách Khoa, Quốc gia Toulouse (Pháp)
Chuyên ngành đào tạo:	Khoa học Nông nghiệp, chuyên ngành Thủy sản
Tên luận án:	L'Aquaculture en cages de Pangasius spp dans le bassin du Mékong (Viet Nam): Analyse de la situation actuelle et mise au point d'aliments adaptés.
Tháng, năm được cấp bằng:	17/12/1998

### 4. Học hàm

Phó Giáo sư ngành: Nuôi trồng Thủy sản	Năm được phong: 2004
Giáo sư ngành: Thủy sản	Năm được phong: 2013

## 5. Ngoại ngữ

1. Anh văn

Mức độ thành thạo: Thành thạo

2. Pháp văn

Mức độ thành thạo: Cơ bản

## III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

### 1. Các hoạt động chuyên môn đã thực hiện

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm trách
6/2018-nay	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Cần Thơ, Tổng biên tập Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, Phó Tổng biên tập tạp chí KH trường Đại học Cần Thơ,
6/2012-5/2018	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giáo sư (từ 2013), Phó Hiệu trưởng Phó Tổng biên tập tạp chí KH trường Đại học Cần Thơ
5/2004-3/2012	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên chính/Phó Giáo sư Trưởng Khoa
8/2002-5/2004	Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa
7/1998-7/2002	Viện Khoa học Thủy sản, Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng viên Phó Giám đốc
1997-6/1998	Bộ môn Hải sản, Khoa Nông nghiệp, Đại học Cần Thơ	Giảng viên Trưởng Bộ môn
1986-1997	Bộ môn Hải sản, Khoa Thủy sản, Đại học Cần Thơ	Giảng viên

### 2. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ:

- Số nghiên cứu sinh hướng dẫn chính và phụ đã bảo vệ thành công: 15 (5 chính và 10 phụ nước ngoài)
- Số nghiên cứu sinh hướng dẫn chính và phụ đang học: 5 (3 chính và 2 phụ)
- Số học viên cao học hướng dẫn chính đã bảo vệ thành công: 57
- Số học viên cao học hướng dẫn chính đang học: 3

## IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã thực hiện

- Chủ nhiệm đề tài trong nước: 16 đề tài, bao gồm 3 cấp nhà nước (1 đang thực hiện), 6 cấp Bộ, 5 cấp Tỉnh và 2 cấp cơ sở.
- Chủ nhiệm 19 đề tài hợp tác quốc tế (6 đang thực hiện)

### 2. Sách và giáo trình xuất bản (liệt kê theo các ô dưới đây, đánh dấu (+) vào ô tương ứng “tác giả” hoặc “đồng tác giả”)

- Chủ biên, tác giả và đồng tác giả 6 quyển sách
- Chủ biên, tác giả và đồng tác giả 6 giáo trình (in và điện tử)

### 3. Các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố

- Tác giả và đồng tác giả của 8 chương sách bằng tiếng Anh do nhà xuất bản uy tín xuất bản.
- Tác giả và đồng tác giả của hơn 79 bài báo trong các tạp chí quốc tế ISI và Scopus, đã

phần có Impact factor cao (tính từ 2010).

- Tác giả và đồng tác giả của hơn 19 bài báo đăng trong các Tạp chí khoa học trong nước (tiếng Anh và Việt) trong các tạp chí được Hội đồng chức danh tính điểm công trình (tính từ 2015).

#### 4. Thông tin khác (if any)

- **Research gate** (đến 05-11-2019): Điểm: 36.71; Số lượt trích dẫn: 2.079;
- **Googlescholar** (đến 05-11-2019): Lượt trích dẫn: 2.804; h-index: 31 và i10-index: 69
- **Tham gia phản biện cho Tạp chí:** Aquaculture, Aquaculture Nutrition, Aquaculture Research, Reviews in Aquaculture,...

**Cần Thơ, 5 tháng 11 năm 2019**



**Nguyễn Thanh Phương**

## PHỤ LỤC

**Bảng 1: Đề tài nghiên cứu Khoa học trong nước và quốc tế**

TT	Tên đề tài nghiên cứu/lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Cơ sở, bộ ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
<b>Hợp tác trong nước</b>				
1.	Ứng dụng và nghiên cứu hoàn thiện một số giải pháp kỹ thuật trong tổ chức sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá tra vùng Tây Nam Bộ	Đang thực hiện đến 2020	Đề tài cấp nhà nước	Chủ nhiệm
2.	Phát triển các kỹ thuật phân tích sinh và hóa học nhằm hỗ trợ cho sự phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản ở Việt Nam	9/2010	Cấp nhà nước (Nghị định thư; 11/2007-NDT)	Chủ nhiệm
3.	Nghiên cứu giải pháp cải thiện sự bền vững và an toàn trong nuôi tôm sú	4/2007	Cấp nhà nước (Nghị định thư)	Chủ nhiệm
4.	Nghiên cứu sản xuất giống các loài thủy sản bản địa đồng bằng sông Cửu Long	13/10/2008	Cấp bộ	Chủ nhiệm
5.	Nghiên cứu gia hóa và tạo tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) bố mẹ chất lượng cao	12/8/2005	Cấp bộ	Chủ nhiệm
6.	Nghiên cứu phát triển thức ăn và kỹ thuật nuôi thâm canh cá rô đồng	2005	Cấp bộ	Chủ nhiệm
7.	Nghiên cứu qui trình sản xuất giống tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> )	16/10/2004	Cấp bộ	Chủ nhiệm
8.	Chuyển giao công nghệ sản xuất giống tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) qui mô nông hộ.	11/8/2003	Cấp bộ	Chủ nhiệm
9.	Nghiên cứu hoàn thiện qui trình kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) áp dụng mô hình nước xanh cải tiến	3/6/2003	Cấp bộ	Chủ nhiệm
10.	Nghiên cứu nâng cao năng suất ương ấu trùng tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) áp dụng mô hình nước xanh cải tiến	8/2007	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
11.	Quan trắc môi trường và xác định tác nhân gây bệnh trên cá da trơn (tra – <i>Pangasius hypophthalmus</i> và basa – <i>P. bocourti</i> ) và tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) ở tỉnh An Giang	17/7/2007	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
12.	Nghiên cứu phát triển mô hình nuôi tôm	17/3/2003	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm

	càng xanh trong ruộng lúa ở tỉnh Trà Vinh			
13.	Nghiên cứu sản xuất giống tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> ) theo mô hình nước xanh cải tiến	12/7/2001	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
14.	Nghiên cứu sử dụng cám gạo làm thức ăn nuôi cá	8/10/1999	Cấp Tỉnh	Chủ nhiệm
15.	Nghiên cứu nhu cầu dinh dưỡng và chế biến thức ăn nuôi cá basa ( <i>Pangasius bocourti</i> )	17/7/2001	Cấp Cơ sở	Chủ nhiệm
16.	Khảo sát chất lượng tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> ) giống tại khu vực Thị xã Bạc Liêu (Tỉnh Bạc Liêu)	17/7/2001	Cấp Cơ sở	Chủ nhiệm
<b>B</b>	<b>Hợp tác quốc tế</b>			
17.	Tăng cường năng lực huấn luyện, quản lý và phát triển hệ thống nuôi thủy sản tuần hoàn	12/2012	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
18.	Ảnh hưởng của sự biến đổi khí hậu đến nghề nuôi thủy sản (Aquaclimate)	2012	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
19.	Phát triển và thực hiện các giải pháp nuôi tốt cho cá tra và cá basa ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
20.	Quan trắc chất lượng nước trong nuôi cá tra ( <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ) ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	8/2009	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
21.	Đào tạo và nghiên cứu về sinh lý động vật Thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long	12/2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
22.	Nâng cao năng lực để phát triển bền vững nghề nuôi trồng thủy sản ở Nam bộ	3/1999	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
23.	Cải tiến thức ăn và kỹ thuật cho ăn trong nuôi trồng thủy sản qui mô nhỏ (Việt Nam, Campuchia và Úc)	12/2009	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
24.	Bước đầu nghiên cứu nguồn lợi thủy sản và các hoạt động bảo tồn nguồn lợi của người dân địa phương	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
25.	Hỗ trợ phát triển giống cá tra chất lượng cao ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam	2010	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
26.	Phát triển kỹ thuật mới và ứng dụng nhằm phát triển bền vững hệ thống canh tác ở đồng bằng sông Cửu Long	2014	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
27.	Quản lý bùn thải trong ao nuôi cá tra ở đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (SuPA)	2016	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

28.	Nuôi trồng thủy sản bền vững đáp ứng chuẩn thương mại (SEAT)	2016	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
29.	Cải thiện giải pháp quản lý và an toàn trong sử dụng hóa chất nhằm phát triển bền vững nghề nuôi thủy sản nước ngọt ở đồng bằng sông Cửu Long (CUD)	2016	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
30.	Biến đổi khí hậu trong Nuôi trồng Thủy sản (iAQUA)	Hoàn thành 2019	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
31.	Phát triển chương trình đào tạo về an toàn môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học ở Đông Nam Á (CONSEA)	Hoàn thành 2019	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
32.	Phát triển sản phẩm chứa hoạt chất sinh học thực vật tự nhiên cho nghề nuôi thủy sản thân thiện với môi trường (AQUABIOACTIVE)	Hoàn thành 2020	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
33.	hích ứng và đổi mới sáng tạo của nghề nuôi thủy sản vùng Mekong (Aquadapt-Mekong)	Hoàn thành 2020	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
34.	Phát triển chương trình đào tạo về đảm bảo dinh dưỡng và phát triển thủy sản bền vững (SSNS)	Hoàn thành 2021	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm
35.	Hướng đến sự bền vững trong sản xuất giống cá tra: tiếp cận theo phương pháp chọn lọc (PANGAGEN)	Hoàn thành 2022	Hợp tác Quốc tế	Chủ nhiệm

**Bảng 2: Sách và Giáo trình**

T T	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả
1.	<b>Sách:</b> Nguyên lý và kỹ thuật sản xuất giống tôm càng xanh ( <i>Macrobrachium rosenbergii</i> )	NXB Nông nghiệp	2003	Tác giả thứ nhất
2.	<b>Sách:</b> Mô tả định loại cá đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam (Fishes of the Mekong Delta, Viet Nam) (tiếng Việt và anh)	NXB Đại học Cần Thơ	2013	Đồng tác giả
3.	<b>Sách:</b> Nguyên lý và Kỹ thuật nuôi tôm sú ( <i>Penaeus monodon</i> )	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2009	Đồng tác giả
4.	<b>Sách:</b> Thống kê ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	NXB Đại học Cần Thơ	2015	Đồng tác giả
5.	<b>Sách:</b> Thống kê đa biến ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản	NXB Đại học Cần Thơ	2016	Đồng tác giả
6.	<b>Sách chuyên khảo:</b> Nuôi cá tra <i>Pangasianodon hypophthalmus</i> ở đồng bằng sông Cửu Long: Thành công và thách thức trong phát triển bền vững	NXB Đại học Cần Thơ	2016	Chủ biên

7.	<b>Giáo trình:</b> Tiếng Anh chuyên ngành Nuôi trồng Thủy sản	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2004	Đồng tác giả
8.	<b>Giáo trình điện tử:</b> Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	Thư viên Điện tử, Bộ GD&ĐT	2009	Tác giả thứ nhất
9.	<b>Giáo trình điện tử:</b> Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	Thư viên Điện tử, Bộ GD&ĐT	2009	Đồng tác giả
10.	<b>Giáo trình:</b> Nuôi trồng Thủy sản	NXB Đại học Cần Thơ	2012 và tái bản 2014	Chủ biên và tác giả
11.	<b>Giáo trình:</b> Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	NXB Đại học Cần Thơ	2017	Đồng tác giả
12.	<b>Giáo trình:</b> Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	NXB Đại học Cần Thơ	2017	Đồng tác giả

### 3. Chương của sách/Book chapters

1. **Nguyen, T.P.** 2013. On-farm feed management practices for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) in Mekong River Delta, Viet Nam. In: M.R. Hasan and M.B. New, eds. On-farm feeding and feed management in aquaculture. FAO Fisheries and Aquaculture Technical Paper No. 583. Rome, FAO. pp. 241–267.
2. **Phuong, N.T.**, B.M. Tam, N.A. Tuan and S. De Sila (2013). Developments in hatchery technology for striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). In: G. Allan and G. Burnell (eds). Advances in aquaculture hatchery technology. Woodhead Publishing Limited, pp: 498-518.
3. Davy, F.B., Soto, D., Bhat, V., Umesh, N.R., Yucel-Gier, G., Hough, C.A.M., Derun, Y., Infante, R., Ingram, B., **Phuong, N.T.**, Wilkinson, S. & De Silva, S.S. (2012). Investing in knowledge, communications and training/extension for responsible aquaculture. In: R.P. Subasinghe, J.R. Arthur, D.M. Bartley, S.S. De Silva, M. Halwart, N. Hishamunda, C.V. Mohan & P. Sorgeloos (eds). Farming the Waters for People and Food. Proceedings of the Global Conference on Aquaculture 2010, Phuket, Thailand. 22–25 September 2010. pp. 569–625. FAO, Rome and NACA, Bangkok.
4. **Phuong, NT** and D.T.H. Oanh (2009). Striped Catfish Aquaculture in Vietnam: A Decade of Unprecedented Development. In: Sena S. De Silva and F. Brian Davy (eds). Success Stories in Asian Aquaculture. Springer. pp: 133-150.
5. **Phuong, N.T.**, Sinh, L.X., Thinh, N.Q., Chau, H.H., Anh, C.T. and Hau, N.M. (2007). Economics of aquaculture feeding practices: Viet Nam. In: M.R. Hasan (ed.). Economics of aquaculture feeding practices in selected Asian countries. FAO Fisheries Technical Paper. No. 505. Rome, FAO. 2007. pp. 183–205.
6. Marcy N Wilder, **N.T. Phuong**, T.N. Hai, T.T.T. Hien, T.V. Bui, D.T.T. Huong, V.N. Son, Yoshinori Morooka, Yutaka Fukuda (2007). Development, dissemination and evaluation of freshwater prawn seed production and culture technology in the Mekong Delta region of Vietnam. In: Yamada R. and S Yamasaki (Eds), Development of Technologies and Sustainable Farming Systems in the Mekong Delta of Vietnam. JIRCAS Working Report No. 55, ISSN 1341-710X. pp. 47-56
7. Minh, T.H, C.J. Jackson, T.T.T. Hoa, L.B. Ngoc, N. Preston and **N.T. Phuong** (2003). The shrimp pond environment: factor effecting the shrimp production. Part A: Growth and

survival of *Penaeus monodon* in relation to the physical condition in rice-shrimp ponds in the Mekong delta. *In: Rice-shrimp farming in the Mekong delta: biophysical and socioeconomic issues*. ACIAR Technical reports 52. pp: 27-34.

8. **Phuong, N.T.**, D.N. Long, L. Varadi, Z. Jeney and F. Pekar (2002). Chapter 19: Farmer-managed trials and extension of rural aquaculture in the Mekong Delta, Viet Nam. *In: P. Edwards, D. Little and H. Demaine (eds.)*. Rural aquaculture. CAB International. pp: 276-283.

#### **4. Bài báo có phản biện trong Tạp chí**

##### **TIẾNG ANH/ENGLISH LANGUAGE (Tạp chí Quốc tế, từ 2010 đến nay)**

1. Dang Diem Tuong, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley and William K. Milsom (2019). Ventilatory responses of the clown knifefish, *Chitala ornata*, to arterial hypercapnia remain after gill denervation. *Journal of Comparative Physiology B*. Doi:10.1007/s00360-019-01236-6.
2. T.T.T. Hoa, T. Nakayama, H.M. Huyen, K. Harada, A. Hinenoya, **N.T. Phuong** and Y. Yamamoto (2019). Extended-spectrum beta-lactamase-producing *Escherichia coli* harbouring sul and mcr-1 genes isolates from fish gut contents in the Mekong Delta, Vietnam. *Letters in Applied Microbiology*. doi:10.1111/lam.13222
3. Tran Minh Phu\*, Nguyen Tam Em, Nguyen Quoc Thinh, **Nguyen Thanh Phuong**, Anders Dalgaard, Marie-Louise Scippo, Mathias Devreese and Siska Croubels (2019). Pharmacokinetics and muscle residue depletion of amoxicillin in cage cultured hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus x Oreochromis niloticus*). *Aquaculture* 505 (2019) 206–211.
4. Truong Quynh Nhu, Bui Thi Bich Hang, Anais Vinikas, Le Thi Bach, Bui Thi Buu Hue, Do Thi Thanh Huong, Joëlle Quetin-Leclercq, Marie-Louise Scippo, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2019). Screening of immuno-modulatory potential of different herbal plant extracts using striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) leukocyte-based in vitro tests. *Fish and Shellfish Immunology* 93: 296–307.
5. Phan Vinh Thinh\*, Do Thi Thanh Huong\*, Le Thi Hong Gam, Christian Damsgaard, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley and Tobias Wang‡ (2019). Renal acid excretion contributes to acid–base regulation during hypercapnia in air-exposed swamp eel (*Monopterus albus*). *Journal of Experimental Biology*. 222, jeb198259. doi:10.1242/jeb.198259
6. Lucy A. Brunton, Andrew P. Desbois\*, Maria Garza, Barbara Wieland, Chadag Vishnumurthy Mohan, Barbara Häsler, Clarence C. Tam, Phuc Nguyen Thien Le, **Nguyen Thanh Phuong**, Phan Thi Van, Hung Nguyen-Viet, Mahmoud M. Eltholth, Dang Kim Pham, Phuc Pham Duc, Nguyen Tuong Linh, Karl M. Rich, Ana L.P. Mateus, Md. Ahasanul Hoque, Abdul Ahad, Mohammed Nurul Absar Khan, Alexandra Adams and Javier Guitian (2019). Identifying hotspots for antibiotic resistance emergence and selection, and elucidating pathways to human exposure: Application of a systems-thinking approach to aquaculture systems. *Science of the Total Environment* 687 (2019) 1344–1356.
7. Truong Quynh Nhu, Bui Thi Bich Hang, Le Thi Bach, Bui Thi Buu Hue, Joëlle Quetin-Leclercq, Marie-Louise Scippo, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont\* (2019). Plant extract-based diets differently modulate immune responses and resistance to bacterial



infection in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). [Fish and Shellfish Immunology 92 \(2019\) 913–924](#)

8. Nguyen Thi Kim Ha, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thanh Phuong, Mark Bayley and Frank Bo Jensen\* (2019). Impact and tissue metabolism of nitrite at two acclimation temperatures in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Aquatic Toxicology* 212 (2019) 154–161
9. Dang Diem Tuong, Brittney Borowiec, Alexander M. Clifford, Renato Filogonio, Derek Somo, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley, William K. Milsom (2018). *Ventilatory responses of the clown knifefish, Chitala ornata, to hypercarbia and hypercapnia*. *Journal of Comparative Physiology B* 03/2018; 188(6)., DOI:10.1007/s00360-018-1150-9
10. Le Thi Hong Gam, Frank Bo Jensen, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2018). The effects of elevated environmental CO<sub>2</sub> on nitrite uptake in the air-breathing clown knifefish, *Chitala ornata*. *Aquatic toxicology* (Amsterdam, Netherlands) 01/2018; 196:124-131., DOI:10.1016/j.aquatox.2018.01.011
11. Michael A. Sackville, Ryan B. Shartau, Christian Damsgaard, Malthe Hvas, Le My Phuong, Tobias Wang, Mark Bayley, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Colin J. Brauner (2018). *Water pH limits extracellular but not intracellular pH compensation in the CO<sub>2</sub> tolerant freshwater fish, Pangasianodon hypophthalmus*. *Journal of Experimental Biology* 10/2018; 221:jeb.190413., DOI:10.1242/jeb.190413
12. Phan Vinh Thinh, **Nguyen Thanh Phuong**, Colin J. Brauner, Do Thi Thanh Huong, Andrew T. Wood, Garfield T. Kwan, Justin L. Conner, Mark Bayley, Tobias Wang (2018). Acid-base regulation in the air-breathing swamp eel (*Monopterus albus*) at different temperatures. *Journal of Experimental Biology* 02/2018;, DOI:10.1242/jeb.172551
13. Quoc Thinh Nguyen, Caroline Douny, Minh Phu Tran, Francois Brose, **Phuong Thanh Nguyen**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2018). Screening of quinalphos, trifluralin and dichlorvos residues in fresh water of aquaculture systems in Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture Research* 11/2018;, DOI:10.1111/are.13890
14. Truong-Giang Huynh, Chia-Chun Chi, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran-Thi-Thanh Hien Tran, Ann-Chang Cheng, Chun-Hung Liu (2018). Effects of synbiotic containing *Lactobacillus plantarum* 7–40 and galactooligosaccharide on the growth performance of white shrimp, *Litopenaeus vannamei*. *Aquaculture Research* 04/2018;, DOI:10.1111/are.13701
15. Dang Diem Tuong, Tran Bao Ngoc, Vo Thi Nhu Huynh, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai, Tobias Wang, Mark Bayley (2017). Clown knifefish (*Chitala ornata*) oxygen uptake and its partitioning in present and future temperature environments. *Comparative biochemistry and physiology. Part A, Molecular & integrative physiology* 12/2017; 216., DOI:10.1016/j.cbpa.2017.11.018
16. Le Thi Hong Gam, Frank Bo Jensen, Christian Damsgaar, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2017). Extreme nitrite tolerance in the clown knifefish *Chitala ornata* is linked to up-regulation of methaemoglobin reductase activity. *Aquatic Toxicology* 187 (2017) 9–17. DOI:10.1016/j.aquatox.2017.03.013

17. Nguyen Quoc Thinh, Tran Minh Phu, Caroline Douny, **Nguyen Thanh Phuong**, Do Thi Thanh Huong, Patrick Kestemont, Marie-Louise Scippo (2017). Bioconcentration and half-life of quinalphos pesticide in rice-fish integration system in the Mekong Delta, Vietnam. *Journal of Environmental Science and Health Part B* 10/2017; 53(1):1-7., DOI:10.1080/03601234.2017.1371551
18. Nguyen Van Sy, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Le Hong Dung, Yoshinori Sumimura, Khong Thi Diep, Le Viet Ha, Nguyen Nam Thang, Tran Thi Tuyet Hoa, Tran Minh Phu, Pham Ngoc Khai, **Nguyen Thanh Phuong**, Le Danh Tuyen, Yoshimasa Yamamoto, Kazumasa Hirata (2017). *Residues of 2-hydroxy-3-phenylpyrazine, a degradation product of some  $\beta$ -lactam antibiotics, in environmental water in Vietnam*. *Chemosphere* 01/2017; 172:355-362., DOI:10.1016/j.chemosphere.2016.12.156
19. Tatsuya Nakayama, Tran Thi Tuyet Hoa, Kazuo Harada, Minae Warisaya, Megumi Asayama, Atsushi Hinenoya, Joon Won Lee, Tran Minh Phu, Shuhei Ueda, Yoshinori Sumimura, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2017). *Water metagenomic analysis reveals low bacterial diversity and the presence of antimicrobial residues and resistance genes in a river containing wastewater from backyard aquacultures in the Mekong Delta, Vietnam*. *Environmental Pollution* 01/2017; 222., DOI:10.1016/j.envpol.2016.12.041
20. Truong-Giang Huynh, Ya-Li Shiu, **Thanh-Phuong Nguyen**, Quoc-Phu Truong, Jiann-Chu Chen, Chun-Hung Liu (2017). Current applications, selection, and possible mechanisms of actions of synbiotics in improving the growth and health status in aquaculture: A review. *Fish & Shellfish Immunology* 03/2017; 64., DOI:10.1016/j.fsi.2017.03.035
21. Matthew D Regan, Andy J Turko, Joseph Heras, Mads Kuhlmann Andersen, Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Mark Bayley, Colin J Brauner, Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, E Nilsson (2016). Ambient CO<sub>2</sub>, fish behaviour and altered GABAergic neurotransmission: exploring the mechanism of CO<sub>2</sub>-altered behaviour by taking a hypercapnia dweller down to low CO<sub>2</sub> levels. *Journal of Experimental Biology* 01/2016; 219(1). DOI:10.1242/jeb.131375
22. Nguyen Thi Ngoc Hon, Tran Thi Tuyet Hoa, Nguyen Quoc Thinh, Atsushi Hinenoya, Tatsuya Nakayama, Kazuo Harada, Megumi Asayama, Minae Warisaya, Kazumasa Hirata, **Nguyen Thanh Phuong**, Yoshimasa Yamamoto (2016). Spread of antibiotic and antimicrobial susceptibility of ESBL-producing *Escherichia coli* isolated from wild and cultured fish in the Mekong Delta, Vietnam. *Fish Pathology* 05/2016; 51(Special-issue):S75-S82., DOI:10.3147/jsfp.51.S75
23. Yuichi Kano, David Dudgeon, So Nam, Hiromitsu Samejima, Katsutoshi Watanabe, Chaiwut Grudpan, Jarungjit Grudpan, Wichan Magtoon, Prachya Musikasinthorn, **Phuong Thanh Nguyen**, Bounthob Praxaysonbath, Tomoyuki Sato, Koichi Shibukawa, Yukihiro Shimatani, Apinun Suvarnaraksha, Wataru Tanaka, Phanara Thach, Dac Dinh Tran, Tomomi Yamashita, Kenzo Utsugi (2016). Impacts of dams and global warming on fish biodiversity in the indo-burma hotspot. *PLoS ONE* 08/2016; 11(8), DOI:10.1371/journal.pone.0160151
24. Margot Andrieu, Andreu Rico, Tran Minh Phu, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thanh Phuong, Paul J Van den Brink (2015). Ecological risk assessment of the antibiotic enrofloxacin applied to Pangasius catfish farms in the Mekong Delta, Vietnam. *Chemosphere*. Volume: 119; Pages: 407-414.

25. Pham Minh Duc, Tran Thi Tuyet Hoa, **Nguyen Thanh Phuong**, R.H. Bosma, Huynh Van Hien, Tran Ngoc Tuan (2015). Virus diseases risk-factors associated with shrimp farming practices in rice-shrimp and intensive culture systems in Mekong Delta Viet Nam. *International Journal of Scientific and Research Publications*. Volume 5, Issue 8.
26. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Peter Teglbjerg Madsen, Tobias Wang, Mark Bayley (2015). Some like it hot: Thermal tolerance and oxygen supply capacity in two eurythermal crustaceans. *Scientific Reports* 06/2015; 5. DOI:10.1038/srep10743.
27. Tran Minh Phu, Caroline Douny, Marie-Louise Scippo, Edwin De Pauw, Nguyen Quoc Thinh, Do Thi Thanh Huong, Huynh Phuoc Vinh, **Nguyen Thanh Phuong**, Anders Dalsgaard (2015). Elimination of enrofloxacin in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) following on-farm treatment. *Aquaculture* 438 (2015) 1–5. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.032
28. Tran Minh Phu, Marie-Louise Scippo, **Nguyen Thanh Phuong**, Cao Thi Kieu Tien, Co Hong Son, Anders Dalsgaard (2015). Withdrawal time for sulfamethoxazole and trimethoprim following treatment of striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and hybrid red tilapia (*Oreochromis mossambicus x Oreochromis niloticus*). *Aquaculture*. Volume 437, Pages 256–262. DOI:10.1016/j.aquaculture.2014.12.009
29. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Marie-Louise Scippo, Anders Dalsgaard (2015). Quality of antimicrobial products used in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in Vietnam. *PLoS ONE* 04/2015; 10(4):e0124267. DOI:10.1371/journal.pone.0124267
30. Tran Minh Phu, **Nguyen Thanh Phuong**, Tu Thanh Dung, Dao Minh Hai, Vo Nam Son, Andreu Rico, Jesper Hedegaard Clausen, Henry Madsen, Francis Murray, Anders Dalsgaard (2015). An evaluation of fish health-management practices and occupational health hazards associated with *Pangasius* catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) aquaculture in the Mekong Delta, Vietnam. *Aquaculture Research* 03/2015; 47(9)., DOI:10.1111/are.12728
31. Tran Ngoc Hai, Pham Minh Duc, Vo Nam Son, Truong Hoang Minh, **Nguyen Thanh Phuong** (2015). Innovation of marine shrimp seed production and farming in Vietnam. *World Aquaculture* 03/2015;
32. Tran Ngoc Hai, Pham Minh Duc, Vo Nam Son, Truong Hoang Minh, **Nguyen Thanh Phuong** (2015). Innovation of marine shrimp seed production and farming in Vietnam. *World Aquaculture* 03/2015;
33. Bui Thi Bich Hang, **Nguyen Phuong Thanh** & Patrick Kestemont (2014). Oral administration of *Escherichia coli* lipopolysaccharide enhances the immune system of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* (Sauvage). *Aquaculture Research*. Pages: 1–10. doi:10.1111/are.12589.
34. Bui Thi Bich Hang, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2014). Can immunostimulants efficiently replace antibiotic in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) against bacterial infection by *Edwardsiella ictaluri*?. *Fish & Shellfish Immunology* 40: 556-562.
35. Dang Thi Hoang Oanh, Tran Viet Tien and **Nguyen Thanh Phuong** (2014). Effect of Insecticide Containing Deltamethrin on Immune Response of the Giant Freshwater Prawn, *Macrobrachium rosenbergii* (De Man 1879). *Asian Fisheries Science* 27: 90-103

36. Lefevre, S., T. Wang, A. Jensen, N.V. Cong, D.T.T. Huong, **N.T. Phuong**, M. Bayley (2014). Air-breathing fishes in aquaculture. What can we learn from physiology?. *Journal of fish Biology*. Volume: 84, No. 3. Pages: 705-731.
37. Rasmus Ern, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong**, Tobias Wang, Mark Bayley (2014). Oxygen delivery does not limit thermal tolerance in a tropical eurythermal crustacean. *The Journal of Experimental Biology*. 217: 1-6. doi:10.1242/jeb.094169
38. Bui Thi Bich Hang, Sylvain Milla, Virginie Gillardin, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2013). In vivo effects of Escherichia coli lipopolysaccharide on regulation of immune response and protein expression in striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Fish & Shellfish Immunology* 34 (2013) 339-347.
39. **Nguyen, P.T.** & Tran, T.C.L. (2013). Species profile: striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878). *In: Aquaculture Feed and Fertilizer Resources Information System* (www.fao.org/fishery/affris/en/org/fishery/affris/en/). Rome, FAO.
40. Sjannie Lefevre, Tobias Wang, Do Thi Thanh Huong, **Nguyen Thanh Phuong** and Mark Bayley (2013). Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in the air-breathing catfish *Pangasianodon hypophthalmus*. *J Comp Physiol B* (2013) 183:215–221.
41. Tam M. Bui, **Nguyen Thanh Phuong**, Gia Hien Nguyen, Sena S. De Silva (2013). Fry and fingerling transportation in the striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, farming sector, Mekong Delta, Vietnam: A pivotal link in the production chain. *Aquaculture* 388–391 (2013) 70–75.
42. Yuichi Kano, Mohad Shalahuddin Adnan, Chaiwut Grudpan, Jarungjit Grudpan, Wichan Magtoon, Prachya Musikasinthorn, Yoshihiro Natori, Stefan Ottomanski, Bounthob Praxaysonbath, Koneouma Phongsa, Achariya Rangsiruji, Koichi Shibukawa, Yukihiko Shimatani, Nam So, Apinun Suvarnaraksha, Phanara Thach, **Phuong Nguyen Thanh**, Dac Dinh Tran, Kenzo Utsugi and Tomomi Yamashita (2013). An online database on freshwater fish diversity and distribution in Mainland Southeast Asia. *Ichthyol Res*. DOI 10.1007/s10228-013-0349-8. <http://ffish.asia>.
43. Andreu Rico, Kriengkrai Satapornvanit, Mohammad M. Haque, Jiang Min, **Phuong T. Nguyen**, Trevor C. Telfer and Paul J. van den Brink (2012). Use of chemicals and biological products in Asian aquaculture and their potential environmental risks: A critical review. *Reviews in Aquaculture* (2012) 4: 75–93.
44. David C. Little, Simon R. Bush, Ben Belton, **Nguyen Thanh Phuong**, James A. Young, Francis J. Murray (2012). Whitefish wars: Pangasius, politics and consumer confusion in Europe. *Marine Policy*, 36: 738-745.
45. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Bertrand De Meulder, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2012). Combined effects of deltamethrin, temperature and salinity on oxidative stress biomarkers and acetylcholinesterase activity in the black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Chemosphere*, 86:83-91.
46. [Sjannie Lefevre](#) , [Do Thi Thanh Huong](#), [Nguyen Thanh Phuong](#), [Tobias Wang](#), [Mark Bayley](#) (2012). Effects of hypoxia on the partitioning of oxygen uptake and the rise in metabolism during digestion in the air-breathing fish *Channa striata*. *Aquaculture*, <http://dx.doi.org/10.1016/j.aquaculture.2012.08.019>
47. [Sjannie Lefevre](#), [Do Thi Thanh Huong](#), [Nguyen Thanh Phuong](#), [Tobias Wang](#), [Mark Bayley](#) (2012), [Partitioning of oxygen uptake and cost of surfacing during swimming in](#)

[the air-breathing catfish \*Pangasianodon hypophthalmus\*. \*Journal of Comparative Physiology Part B: Biochemical, Systemic, and Environmental Physiology\*, DOI: 10.1007/s00360-012-0701-8](#)

48. Sjannie Lefevrea, Frank B. Jensenb, Do T.T. Huong, Tobias Wang, **Nguyen T. Phuong**, Mark Bayley (2012). Haematological and ion regulatory effects of nitrite in the air-breathing snakehead fish *Channa striata*. *Aquatic Toxicology*, 118–119: 48–53
49. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen T. Phuong**, Dang T. H. Oanh, Mart C. M. de Jong and Just M. Vlak (2012). Indel-II region deletion sizes in the white spot syndrome virus genome correlate with shrimp disease outbreaks in southern Vietnam. *Diseases of Aquatic Organisms*, 99: 153–162, 2012. doi: 10.3354/dao02463.
50. Sena S. De Silva and **Nguyen T. Phuong** (2011). Striped catfish farming in the Mekong Delta, Vietnam: a tumultuous path to a global success. *Reviews in Aquaculture*, 3: 45-73
51. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong** and Mark Bayley (2011). Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A* 158: 207–214.
52. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Nguyen Thi Kim Ha, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2011). A telemetry study of swimming depth and oxygen level in a *Pangasius* pond in the Mekong Delta. *Aquaculture*, 315: 410–413.
53. Sjannie Lefevre, Do Thi Thanh Huong, Tobias Wang, **Nguyen Thanh Phuong**, Mark Bayley (2011). Hypoxia tolerance and partitioning of bimodal respiration in the striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Comparative Biochemistry and Physiology, Part A*, 158: 207–214.
54. Sjannie Lefevre, Frank B. Jensen, Do. T. T. Huong, Tobias Wang, **Nguyen T. Phuong** and Mark Bayley (2011). Effects of nitrite exposure on functional haemoglobin levels, bimodal respiration, and swimming performance in the facultative air-breathing fish *Pangasianodon hypophthalmus*. *Aquatic Toxicology* 104: 86–93.
55. Tran Thi Tuyet Hoa, M.P. Zwart, **N.T. Phuong**, D.T.H. Oanh, M.C.M Jong and J.M. Vlak (2011) Mixed-genotype WSSV infections of shrimp are correlated with low virulence in ponds (online first). *Journal of General Virology* (2011), 92, 675–680. DOI 10.1099/vir.0.026351-0
56. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen T. Phuong**, Dang T. H. Oanh, Mart C. M. de Jong and Just M. Vlak (2011). Mixed-genotype white spot syndrome virus infections of shrimp are inversely correlated with disease outbreaks in ponds. *Journal of General Virology* (2011), 92, 675–680 DOI 10.1099/vir.0.026351-0
57. Tran Thi Tuyet Hoa, Mark P. Zwart, **Nguyen Thanh Phuong**, Just M. Vlak, Mart C.M. de Jong (2011). Transmission of white spot syndrome virus in improved-extensive and semi-intensive shrimp production systems: A molecular epidemiology study. *Aquaculture* 313:7–14. DOI.org/10.1016/j.aquaculture.2011.01.013
58. Vu Nam Son, **Nguyen Thanh Phuong**, Tran Ngoc Hai and Amararatne Yakupitiyage (2011). Production and economic efficiencies of intensive black tiger prawn (*Penaeus monodon*) culture during different cropping seasons in the Mekong delta, Vietnam. *Aquacult Int.*, 19:555–566
59. Amit Kumar Sinha, C. Vanparys, G. De Boeck, P. Kestemont, N. Wang, **NT Phuong**, ML.

- Scippo, W. De Coen and J. Robbens (2010). Expression characteristics of potential biomarker genes in Tra catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*, exposed to trichlorfon. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part D* 5 (2010) 207–216
60. Bui, Tam M., Phan, Lam T., Ingram, B.A., Nguyen, Thuy T.T., Gooley, G. J., Nguyen, Hao V., **Nguyen Phuong T.**, De Silva, S.S. (2010). Seed production practices of striped catfish, *Pangasianodon hypophthalmus* in the Mekong Delta region, Vietnam. *Aquaculture* 306: 92–100.
61. Danyi, S., Widart, J., Douny, C., Dang, P.K., Baiwir, D., Wang, N., Tu, H.T., Tung, V.T., **Phuong, N.-T.**, Kestemont, P., Scippo, M.-L. (2010). Determination and kinetics of enrofloxacin and ciprofloxacin in Tra catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) and giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) using a liquid chromatography / mass spectrometry method. *J. Vet. Pharmacol. Therap.* doi: 10.1111/j.1365-2885.2010.01204.x.
62. Dinh, T.D., J. Moreau, M.V. Van, **N.T. Phuong** and V.T. Toan (2010). Population Dynamics of Shrimps in Littoral Marine Waters of the Mekong Delta, South of Viet Nam. ISSN 1028-8880. *Pakistan Journal of Biological Sciences* 13 (14): 683-690, 2010.
63. Frédéric Silvestre, Huynh Thi Tu, Amandine Bernard, Jennifer Dorts, Marc Dieu, Martine Raes, **Nguyen Thanh Phuong**, Patrick Kestemont (2010). A differential proteomic approach to assess the effects of chemotherapeutics and production management strategy on giant tiger shrimp *Penaeus monodon*. *Comparative Biochemistry and Physiology, Part D* 5 (2010) 227-233
64. Glencross, B., Hien T.T.T., **Phuong N.T.** and Cam Tu, T.L (2010). A factorial approach to defining the energy and protein requirements of tra catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*). *Aquaculture nutrition*. doi: 10.1111/j.1365-2095.2010.00774.x.
65. Hien, T.T.T., **Phuong, N.T.**, Tu, T.L.C and Glencross B. (2010). Assessment of method for the determination of digestibility of feed ingredients for tra catfish, *Pangasianodon hypophthalmus*. *Aquaculture nutrition*, 2010 16; 351-358
66. Huong DTT, T. Wang, B. Mark and **NT. Phuong** (2010). Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) at different salinities. *Aquaculture Research*, 2010, 1-9
67. Huong, D.T.T., TobiasWang, Mark Bayley & **NguyenThanh Phuong** (2010). Osmoregulation, growth and moulting cycles of the giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii*) at different salinities. *Aquaculture Research*: 1-9 (doi:10.1111/j.1365-2109.2010.02486).
68. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, Neil Wang, Jean-Pierre Thome, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2010). A multi-biomarker approach to assess the impact of farming systems on black tiger shrimp (*Penaeus monodon*). *Chemosphere* 81 (2010) 1204–1211.
69. Huynh Thi Tu, Frederic Silvestre, **Nguyen Thanh Phuong** and Patrick Kestemont (2010). Effects of pesticides and antibiotics on Penaeid shrimp with special emphases on behavioral and biomarker responses. *Environmental Toxicology and Chemistry*, Vol. 29, No. 4, pp. 929–938. DOI:10.1002/etc.99
70. M.V. Van, **N.T. Phuong**, T.D. Dinh, M. Villanueva and J. Moreau (2010). A Mass-Balance Ecopath Model of Coastal Areas in the Mekong Delta, Vietnam. *Asian Fisheries Science* 23(2010):208-223.

71. Minh, TH, W.G Gallardo and **NTPhuong** (2010). Fishery and Aquaculture of Juvenile Mudskipper *Pseudapocryptes elongatus* (Cuvier, 1816) in the Coastal Zone of Mekong Delta, Viet Nam. Asian Fisheries Science 23(2010):224-239.
72. Sena S. De Silva, Brett A. Ingram, **Phuong T. Nguyen**, Tam M. Bui, Geoff J. Gooley and Giovanni M. Turchini (2010). Estimation of Nitrogen and Phosphorus in Effluent from the Striped Catfish Farming Sector in the Mekong Delta, Vietnam. AMBIO. Royal Swedish Academy of Sciences. DOI 10.1007/s13280-010-0072-x.
73. Van, M.V., **N.T. Phuong**, T.D. Dinh, M. Villanueva and J. Moreau (2010). A Mass-Balance Ecopath Model of Coastal Areas in the Mekong Delta, Vietnam. Asian Fisheries Science 23:208-223.

### **TIẾNG VIỆT/ANH (Tập chí trong nước, từ năm 2015)**

1. Võ Nam Sơn, Đào Minh Hải, Nguyễn Thế Diễn, Vũ Văn Thùy, Đinh Xuân Lập, Nguyễn Đỗ Quỳnh và Nguyễn Thanh Phương, 2019. Phân tích hiệu quả sản xuất và sử dụng năng lượng điện trong nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) và thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) thâm canh và quảng canh cải tiến ở Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 55(1B): 69-79.
2. Đỗ Văn Bước, Đỗ Thị Thanh Hương, Châu Tài Tảo, Atsushi Ishimatsu và Nguyễn Thanh Phương, 2018. Ảnh hưởng của nhiệt độ cao lên tăng trưởng, tỉ lệ sống, glucose và enzyme tiêu hóa của tôm sú (*Penaeus monodon* Fabricius, 1798) giai đoạn Postlarvae 15 đến Juvenile. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(1): 99-107.
3. Gam, L.T.H., Vu, N.T.T., Nhu, P.N., Phuong, N.T. and Huong, D.T.T. (2018). Effects of nitrite exposure on haematological parameters and growth in clown knifefish (*Chitala ornata*, Gray 1831). Can Tho University Journal of Science. 54(2): 1-8. DOI:10.22144/ctu.jen.2018.001
1. Ha, N.T.K., Bieu, N.T.X., Phuong, N.T. and Huong, D.T.T. (2018). Effect of CO<sub>2</sub> on acid-base regulation and growth performance of basa catfish (*Pangasius bocourti*). Can Tho University Journal of Science. 54(2): 18-26.
2. Khanh, L.V., Hai, **T.N.**, **Phuong**, N.T. and Son, V.N. (2018). Effects of different C:N ratios on growth and survival of spotted scat (*Scatophagus argus*) in the biofloc system. Can Tho University Journal of Science. 54(8): 105-113.
3. Lê Thị Bạch, **Nguyễn Thanh Phương**, Bùi Thị Bửu Huệ, Nguyễn Trọng Tuân, Patrick Kestemont, Joelle Leclercq, Lê Tiến Dũng (2018). Protective effect of pancreatic  $\beta$ -cells MIN6 by some medicinal plants in the Mekong Delta. Vietnam Journal of Chemistry 56(5): 636-640. DOI: 10.1002/vjch.201800062
4. Phan Vĩnh Thịnh, Đỗ Thị Thanh Hương, Mark Bayley, Tobias Wang và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Ảnh hưởng của nồng độ CO<sub>2</sub> cao trong nước lên cân bằng acid và base của lươn đồng, *Monopterus albus* (Zuiew, 1973). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 138-146.
5. Trương Quỳnh Như, **Nguyễn Thanh Phương** và Bùi Thị Bích Hằng (2018). Ảnh hưởng của chiết xuất ôi (*Psidium guajava*) và diệp hạ châu (*Phyllanthus amarus*) lên đáp ứng miễn dịch của tế bào bạch cầu cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(Số chuyên đề: Thủy sản)(2): 135-142.



6. Võ Nam Sơn, Bành Văn Nhân, Lý Văn Khánh, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2018). Đánh giá hiệu quả kỹ thuật và tài chính của mô hình nuôi tôm sú quảng canh cải tiến và tôm - lúa tại huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3B): 164-176.
7. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Le Van Teo, Trương Quỳnh Như (2017). Ảnh hưởng của levamisole lên một số chỉ tiêu miễn dịch và khả năng kháng bệnh ở cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 48b: 1-9. DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.610
8. Dương Thúy Yên, Bùi Thị Liên Hà, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2017) Những thành tựu trong nghiên cứu chuyển giới tính tôm càng xanh (*Macrobrachium rosenbergii* De Man, 1879). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 64-71.
9. Hai, T.N, Huong, H.K., Viet, L.Q., Huong, D.T.T. and **Phuong, N.T.** (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. Can Tho University Journal of Science. 7: 82-90.
10. Nguyễn Thị Kim Hà, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Nguyễn Trần Phương Thảo, Trần Thị Phương Hằng, Mark Bayley (2017). Ảnh hưởng của nitrite lên một số chỉ tiêu sinh lý và tăng trưởng của cá ba sa (*Pangasius bocourti*). Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. Số 52:93., DOI:10.22144/ctu.jvn.2017.129
11. T.N. Hai, **N.T. Phuong**, D.T.T. Huong, L.Q. Viet, H.K. Huong (2017). Giant freshwater prawn (*Macrobrachium rosenbergii* de Man, 1879) farming in brackish water areas of the Mekong Delta, Vietnam. 01/2017; 07:82., DOI:10.22144/ctu.jen.2017.053.
12. Trần Minh Phú, Nguyễn Tâm Em, Nguyễn Quốc Thịnh, Phùng Thị Trúc Hà, Nguyễn Khánh Nam, Đỗ Thị Thanh Hương và **Nguyễn Thanh Phương** (2017). Thực trạng sử dụng thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học trong cá điêu hồng (*Oreochromis* sp.) nuôi bè vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 51b: 80-87.
13. Châu Tài Tảo, Trần Ngọc Hải và **Nguyễn Thanh Phương** (2016). Ảnh hưởng của bổ sung chất khoáng lên tăng trưởng, tỷ lệ sống, chất lượng của ấu trùng và hậu ấu trùng tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 47b: 38-44.
14. Nguyễn Quốc Thịnh, Trần Minh Phú, Caroline Douny, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Patrick Kestemont, Nguyễn Văn Quý, Hồ Thị Bích Tuyền và Marie-Louise Scippo (2016). Nồng độ quinalphos trong nước, cá chép (*Cyprinus carpio*) và cá mè vinh (*Barbonymus gonionotus*) trong mô hình lúa cá kết hợp. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 44b: 58-65.
15. Vu Ngọc Ut, Huynh Trương Giang, Trương Quốc Phú, Jack Morales, **Nguyen Thanh Phuong** (2016). Assessment of water quality in catfish (*Pangasianodon hypophthalmus*) production systems in the mekong delta. DOI:10.22144/ctu.jen.2016.107
16. Bùi Thị Bích Hằng, **Nguyễn Thanh Phương**, Phạm Văn Thi, Nguyễn Minh Tân, Trương Quỳnh Như (2015). Ảnh hưởng của vitamin C lên một số yếu tố miễn dịch không đặc hiệu và khả năng kháng vi khuẩn gây bệnh của cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 39: 85-91
17. Le Quoc Viet, Tran Ngoc Hai, **Nguyen Thanh Phuong** (2015). Technical aspects and economic benefits of the juvenile crab nursery in lining tank in Nam Can district, Ca Mau province. Journal of Marine Science and Technology. 09/2015; 15(3). DOI:10.15625/1859-3097/15/3/5780



18. Trần Thị Tuyết Hoa, **Nguyễn Thanh Phương**, Đỗ Thị Thanh Hương, Phạm Thị Thanh Phương (2015). Tác động của Cypermethrin và nhiệt độ lên biến đổi mô gan tụy tôm sú (*Penaeus monodon*). Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 36: 107-115
19. Võ Nam Sơn, **Nguyễn Thanh Phương**, Trần Ngọc Hải, Lý Văn Khánh, Phan Thanh Lâm, Nguyễn Dương Anh (2015). Khảo sát thành phần dinh dưỡng và lợi ích sử dụng bùn đáy ao nuôi cá tra trong nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 38: 116-123.